

Bản án số: 266/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 11 - 2018.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1086/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh Anh T, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 13 tháng 9 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Thanh Anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, do chị T không quan tâm chăm sóc chồng con và có cách cư xử không đúng mực đối với gia đình chồng nên thường xuyên gây gổ. Anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo T, sinh ngày 26/6/2013. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Huỳnh Thanh Anh T về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn; thời gian mâu thuẫn, thời gian ly thân và con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nhậu về trễ, kiếm chuyện gây gổ, phát sinh cự cãi nên anh T bỏ nhà đi từ cuối tháng 02 tháng 8 năm 2018 đến nay.

Nay, anh T xin ly hôn chị không đồng ý, vì chị còn thương chồng và mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa trầm trọng.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T, sinh ngày 26/6/2013 (chị đang nuôi), yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Huỳnh Thanh Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T; chị T có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh Anh T và chị Nguyễn Thị Cẩm T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Xét thấy, anh T và chị T đều trình bày trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn lại không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Chị T cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh T chưa đến mức trầm trọng, nhưng chị xác định trong quá trình chung

sống vợ chồng có gây gổ và anh chị không thể tự khắc phục được dẫn đến sống ly thân từ tháng 02 năm 2018. Từ khi sống ly thân đến nay, chị T và anh T cũng không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi anh T xác định không còn tình cảm và kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị T. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt, chứng tỏ chị không có thiện chí để hàn gắn trong khi mâu thuẫn phát sinh đã lâu.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa anh T và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Anh T và chị T thống nhất có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo T, sinh ngày 26/6/2013 (đang sống với chị T). Anh T và chị T đều có lời trình bày trong trường hợp ly hôn, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con chung của anh chị là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng; anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, anh T trình bày anh làm công nhân bảo trì của công ty, thu nhập mỗi tháng của anh là 7.000.000đồng/tháng, do đó mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng do anh T đề nghị là phù hợp với thu nhập thực tế của anh cũng như nhu cầu thiết yếu của con chung và phù hợp với Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không chấp nhận với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng mà chị T yêu cầu.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh Huỳnh Thanh Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh Anh T đối với chị Nguyễn Thị Cẩm T về việc “Ly hôn”.

Anh Huỳnh Thanh Anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T, sinh ngày 26/6/2013. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về án phí: Anh Huỳnh Thanh Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003394 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Anh T phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh